

Số: 79 /GPMT-UBND

Tân Uyên, ngày 17 tháng 12 năm 2024

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Đủ số 20241201/HKD/HKD ngày 03 tháng 12 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2665/TTr-PTNMT ngày 13/12/2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Đủ, địa chỉ tại thửa đất số 134, tờ bản đồ số 58, tổ 3, khu phố 6, phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Gia công đồ gỗ gia dụng công suất 3.800 sản phẩm/ năm” với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của dự án đầu tư**

1.1. Tên dự án đầu tư: “Gia công đồ gỗ gia dụng công suất 3.800 sản phẩm/năm”.

1.2. Địa điểm hoạt động: thửa đất số 134, tờ bản đồ số 58, tổ 3, khu phố 6, phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh mã số 46E8034631 do Ủy ban nhân dân thành phố Tân Uyên cấp đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 06 năm 2024.

1.4. Mã số thuế: 8085549048-001

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Gia công đồ gỗ gia dụng (không sơn sản phẩm).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí về môi trường dự án đầu tư nhóm III theo quy định của

Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích của dự án: 1.994 m<sup>2</sup> (Ông Nguyễn Văn Đủ đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương ủy quyền cho Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Tân Uyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL 672938, sổ vào sổ cấp GCN: CN14123 tại thửa đất số 134, tờ bản đồ số 58, phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.)

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Gia công đồ gỗ gia dụng (không sơn sản phẩm), công suất 3.800 sản phẩm/năm trong đó (Bàn 500 sản phẩm/năm; Ghế 2.000 sản phẩm/năm; Giường 500 sản phẩm/năm; Tủ 800 sản phẩm/năm).

- Quy trình công nghệ sản xuất: Nguyên liệu (gỗ phôi dạng thanh) → Cưa, cắt → Ghép → Định hình (khoan, bào) → Chà nhám → Lắp ráp → Kiểm tra, đóng gói → Thành phẩm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Đủ có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; Có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; Quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

2.6. Công ty phải ngưng hoạt động, di dời hoặc chuyển đổi công năng đúng thời gian khi có Quyết định hoặc yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: Từ ngày 17... tháng 12... năm 2024 đến ngày 17.. tháng 12. năm 2034.

**Điều 4.** Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường Thành phố, UBND phường Uyên Hưng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Đủ;
- Cổng Thông tin điện tử của UBNDTP;
- Lưu: VT. Đức.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hồng Nguyên**



## Phụ lục 1

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 79/GPMT-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2024  
của UBND Thành phố Tân Uyên)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

### 1. Nguồn phát sinh nước thải:

Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh.

### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:** Hệ thống thoát nước chung tại khu vực tờ bản đồ số 58, khu phố 6, phường Uyên Hưng → Suối Bà Tùng.

### 2.2. Vị trí xả nước thải:

01 dòng: 01 điểm tại hố ga cuối cùng trong khuôn viên dự án ngay tại cổng dự án về phía Tây Nam đầu nối vào hệ thống thoát nước chung tại khu vực tờ bản đồ số 58, khu phố 6, phường Uyên Hưng trên đường bê tông tiếp giáp dự án về phía Tây Nam, sau đó theo tuyến cống BTCT D800mm chảy ra suối Bà Tùng (cách dự án khoảng 100m về phía Nam).

Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1226309; Y = 615009.

Điểm xả nước thải cuối cùng của dự án trước khi thải ra môi trường phải được bố trí hố (có lưới bảo vệ an toàn) để cơ quan quản lý môi trường giám sát nước thải khi thải ra môi trường. Vị trí hố ga đặt bên trong dự án ngay tại cổng dự án về phía Tây Nam và có gắn biển báo “Điểm thoát nước thải của Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Đủ”.

### 2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 3 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

#### 2.3.1. Phương thức xả nước thải

Nước thải sau xử lý nước thải tự chảy đầu nối vào hệ thống thoát nước chung tại khu vực tờ bản đồ số 58, khu phố 6, phường Uyên Hưng → Suối Bà Tùng (cách dự án khoảng 100m về phía Nam).

Hình thức xả thải: Tự chảy

#### 2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục khi hoạt động

**2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường tiếp giáp với dự án phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải công nghiệp, cột A, K<sub>1</sub>=1,2 ; K<sub>q</sub>=0,9), cụ thể như sau:**

| ST T | Chất ô nhiễm               | Đơn vị tính | Giá trị giới hạn cho phép | Tần suất quan trắc định kỳ | Quan trắc tự động, liên tục                                                                                                         |
|------|----------------------------|-------------|---------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1    | pH                         | -           | 6 – 9                     | 6 tháng/lần                | Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 |
| 2    | BOD <sub>5</sub>           | mg/l        | 32,4                      |                            |                                                                                                                                     |
| 3    | COD                        | mg/l        | 81                        |                            |                                                                                                                                     |
| 4    | Chất rắn lơ lửng           | mg/l        | 54                        |                            |                                                                                                                                     |
| 5    | Amoni (tính theo N)        | mg/l        | 5,4                       |                            |                                                                                                                                     |
| 6    | Tổng Nitơ                  | mg/l        | 21,6                      |                            |                                                                                                                                     |
| 7    | Tổng Photpho (tính theo P) | mg/l        | 4,32                      |                            |                                                                                                                                     |
| 8    | Tổng dầu mỡ khoáng         | mg/l        | 5,4                       |                            |                                                                                                                                     |
| 9    | Coliform                   | MPN/100ml   | 3.000                     |                            |                                                                                                                                     |

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

#### 1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

Nước thải sinh hoạt từ các bồn cầu (nước thải đen) tại nhà vệ sinh của nhà vệ sinh được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ sau đó về hố ga sau bể tự hoại, từ hố ga nước thải theo ống uPVC Ø60 mm,  $i = 1\%$  dẫn về hố thu gom kiêm bể điều hòa của dự án. Riêng nước thải sinh hoạt từ các bồn rửa tay, sàn nhà vệ sinh (nước thải xám) được thu gom về hố ga sau bể tự hoại, từ hố ga nước thải theo ống uPVC Ø60 mm,  $i = 1\%$  dẫn về hố thu gom kiêm bể điều hòa của dự án. Từ hố thu gom kiêm bể điều hòa, nước thải được bơm lên mô đun có công suất 3 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý.

Nước thải sau xử lý sau mô đun xử lý nước thải công suất 3 m<sup>3</sup>/ngày đêm đảm bảo đạt theo QCVN 40:2011/BTNMT, cột A sẽ theo tuyến cống PVC Ø200 mm, dài 110,8 m đầu nối vào hệ thống thoát nước chung tại khu vực tờ bản đồ số 58, khu phố 6, phường Uyên Hưng trên đường bê tông tiếp giáp dự án về phía Tây Nam.

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại → Hồ thu gom kiêm bể điều hòa → Ngăn xử lý sinh học - Anoxic → Ngăn hiếu khí (Aerotank) + Màng sinh học MBR → Khử trùng → Ngăn chứa nước sạch (Đạt theo QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ( $K_q = 0,9$ ;  $K_f = 1,2$ ) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) → Đầu nối vào hệ thống thoát nước chung tại khu vực tờ bản đồ số 58, khu phố 6, phường Uyên Hưng trên đường bê tông tiếp giáp dự án về phía Tây Nam → suối Bà Tùng (cách dự án khoảng 100m).

- Công suất thiết kế:  $3 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chế phẩm sinh học, mật rỉ, soda.

## 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc trường hợp phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2, Điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ.

## 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Hệ thống phải được vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật đã được hướng dẫn. Nhân viên vận hành liên tục quan sát, ghi chép, lập báo cáo, đánh giá nhằm kịp thời xử lý các sự cố có thể phát sinh, đảm bảo hệ thống được vận hành trơn tru.

- Chủ đầu tư ký kết hợp đồng vận hành, bảo trì bảo dưỡng HTXLNT với đơn vị chuyên nghiệp về môi trường.

- Đối với sự cố về thiết bị vận hành: Đối với các thiết bị bơm nước khi bị hỏng, thực hiện thay thế bơm dự phòng sau đó sửa chữa bơm bị hỏng. Với các thiết bị khác, tiến hành sửa chữa đúng kỹ thuật theo hướng dẫn của nhà cung cấp.

- Đối với sự cố do thao tác vận hành: Trong trường hợp khẩn cấp, người vận hành ngắt tủ điện toàn hệ thống XLNT, điều chỉnh lại hoạt động các thiết bị, hóa chất của HTXLNT.

- Đối với hệ thống gặp sự cố nghiêm trọng: Trong trường hợp khẩn cấp, người vận hành ngắt tủ điện toàn hệ thống XLNT. Ngưng hoạt động toàn hệ thống, lưu trữ nước ở hồ thu gom không bơm đến các công trình phía sau. Tiến hành đánh giá, lập báo cáo sự cố hệ thống về đề ra phương án khắc phục.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

**2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:** Kể từ ngày dự án bắt đầu đi vào hoạt động (thời gian dự kiến 01/06/2025 đến 31/08/2025).

## 2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Công trình xử lý nước thải có công suất thiết kế  $3 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$

### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải đầu vào: Tại hồ thu gom kiêm bể điều hòa của mô đun xử lý nước thải công suất 3 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Nước thải đầu ra (sau xử lý): Nước thải đầu ra tại hồ ga cuối nằm trong khuôn viên dự án về phía Tây Nam.

### **2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:**

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ đầu tư có trách nhiệm giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại mục 2.3.3 phần A Phụ lục này.

**2.3. Tần suất lấy mẫu:** Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải.

- Thời gian lấy mẫu: 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định (*giai đoạn điều chỉnh do chủ dự án tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm của công trình xử lý nước thải*).

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với nước thải đầu vào tại bể điều hòa và 03 mẫu nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải, công suất 3 m<sup>3</sup>/ngày.đêm trong 3 ngày liên tiếp).

- Thông số quan trắc: pH; BOD<sub>5</sub>; COD; Chất rắn lơ lửng; Amoni (tính theo N); Tổng Nitơ; Tổng Phốt pho (tính theo P); Tổng dầu mỡ khoáng; Coliform.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

**3.1.** Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

**3.2.** Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

**3.3.** Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

**3.4.** Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Trường hợp có thay đổi Kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường thì phải thực hành trách nhiệm theo quy định tại khoản 5, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

**3.5.** Sau khi kết thúc vận hành thử nghiệm, trong vòng 10 ngày chủ dự án đầu tư phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến cơ quan cấp giấy phép môi trường theo quy định.

## Phụ lục 2

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 19/GPMT-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2024 của UBND Thành phố Tân Uyên)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

##### 1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01 → Nguồn số 02: Bụi, khí thải phát sinh từ 02 máy cắt phôi, lưu lượng 1.791 m<sup>3</sup>/h.
- Nguồn số 03 → Nguồn số 04: Bụi, khí thải phát sinh từ 02 máy bào hai mặt, lưu lượng 3.581 m<sup>3</sup>/h.
- Nguồn số 05 → Nguồn số 08: Bụi, khí thải phát sinh từ 04 máy ken (rong), lưu lượng 3.581 m<sup>3</sup>/h.
- Nguồn số 09: Bụi, khí thải phát sinh từ 01 máy lạng CNC, lưu lượng 895 m<sup>3</sup>/h.
- Nguồn số 10 → Nguồn số 11: Bụi, khí thải phát sinh từ 02 máy chà nhám cầm tay, lưu lượng 1.791 m<sup>3</sup>/h.
- Nguồn số 12 → Nguồn số 15: Bụi, khí thải phát sinh từ 04 máy phay, lưu lượng 3.581 m<sup>3</sup>/h.
- Nguồn số 16 → Nguồn số 17: Bụi, khí thải phát sinh từ 02 máy đánh mòng, lưu lượng 1.791 m<sup>3</sup>/h.
- Nguồn số 18 → Nguồn số 21: Bụi, khí thải phát sinh từ 04 máy khoan, lưu lượng 3.581 m<sup>3</sup>/h.

##### 2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

###### 2.1. Vị trí xả khí thải:

| TT | Nguồn khí thải        | Dòng khí thải                                                                  | Vị trí xả thải                     | Tọa độ                  |
|----|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-------------------------|
| 01 | Nguồn số 01 đến số 21 | 01 dòng thải (Ống thoát khí thải sau hệ thống cyclone kết hợp lọc bụi túi vải) | Ống thải của công trình xử lý bụi. | X = 1226384; Y = 615043 |

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Đủ tại phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

###### 2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 22.000 m<sup>3</sup>/h

###### 2.2.1. Phương thức xả khí thải:

Dòng khí thải: Bụi và khí thải sau khi xử lý được xả thải ra môi trường thông qua ống thải; Xả cưỡng bức, gián đoạn

**2.2.2.** Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B,  $K_p = 0,9$ ;  $K_v = 1$ ), cụ thể như sau:

| TT | Thông số  | Đơn vị             | Giá trị giới hạn cho phép | Tần suất quan trắc định kỳ |
|----|-----------|--------------------|---------------------------|----------------------------|
| 1  | Lưu lượng | m <sup>3</sup> /h  | --                        | 6 tháng/lần                |
| 2  | Bụi tổng  | mg/Nm <sup>3</sup> | 180                       |                            |

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải**

**1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:**

- Nguồn số 01 đến nguồn số 21: Bụi gỗ loại phát sinh từ các công đoạn cưa cắt, bào, khoan, chà nhám được thu gom bằng hệ thống các đầu hút và hệ thống ống dẫn bụi tương ứng với mỗi thiết bị sau đó dẫn về hệ thống cyclone kết hợp lọc bụi túi vải để thu gom bụi. Bụi sau xử lý được thu gom về buồng lắng bụi có kích thước D x R x C = 4m x 2,5m x 3m. Khí sạch phát tán ra môi trường thông qua ống khói cao 14 m, đường kính 550 mm.

### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:**

Nguồn thải số 01 đến nguồn thải số 21 (Công trình xử lý bụi gỗ phát sinh từ các máy cưa, cắt, bào, khoan, chà nhám)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi gỗ → Đầu hút → Ống dẫn → Quạt hút 1 → Cyclone thu bụi → Hệ thống túi vải → Quạt hút 2 → Ống thải → Khí sạch thoát ra môi trường đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, hệ số  $K_p = 0,9$ ;  $K_v = 1,0$ .

- Công suất thiết kế: 22.000 m<sup>3</sup>/h

- Hóa chất sử dụng: Không sử dụng hóa chất, vật liệu khác

### **1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:**

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

#### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Trong quá trình hoạt động, HTXL bụi có thể gặp sự cố. Sau đây là nguyên nhân và cách khắc phục sự cố:

| Loại sự cố             | Nguyên nhân                                                                                                                                                                                      | Giải pháp phòng ngừa                                                                                                                                                                                                         | Giải pháp ứng phó                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Túi vải bị rách, thủng | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cọ sát với khung xương, thành miệng sàn nên bị rách.</li> <li>+ Xung lực khí nén tác động qua 1 thời gian dài.</li> </ul>                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cần trọng khi lắp đặt túi.</li> <li>+ Hàng tuần mở nắp thăm của vùng thu khí sạch, dùng đèn pin để quan sát bên trong các túi.</li> </ul>                                           | Thay thế túi mới                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| Van khí nén bị hư hỏng | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Màng cao su bên trong van bị hư</li> <li>+ Bộ phận nam châm điện bị hư</li> <li>+ Mối nối điện bị đứt</li> </ul>                                        | Hàng tuần kiểm tra hoạt động của từng van.                                                                                                                                                                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Màng cao su bên trong van bị hư, bộ phận nam châm điện bị hư, mối nối điện bên trong van bị đứt: thay mới van.</li> <li>+ Mối nối điện bên ngoài bị đứt: đấu lại dây.</li> </ul>                                                                                                   |
| Máy nén khí bị hư hỏng | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Không nén được khí</li> <li>+ Hư động cơ điện</li> <li>+ Dầu nén khí chảy nhớt</li> </ul>                                                               | Hàng tuần kiểm tra bằng mắt thường máy có chạy không? Đồng hồ áp có lên áp không? Có hiện tượng dầu nhớt bị chảy hay không?                                                                                                  | Hàng tuần kiểm tra bằng mắt thường máy có chạy không? Đồng hồ áp có lên áp không? Có hiện tượng dầu nhớt bị chảy hay không?                                                                                                                                                                                                 |
| Quạt thổi bị hư hỏng   | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dây cua-ro bị đứt</li> <li>+ Động cơ điện bị hỏng</li> <li>+ Cánh quạt bị kẹt hoặc mất cân bằng..</li> <li>+ Gối poly khô kiệt chất bôi trơn</li> </ul> | Hàng tuần kiểm tra tình trạng dây cua-ro đảm bảo còn nguyên vẹn; động cơ điện vẫn hoạt động; âm thanh không kêu to bất thường; quạt không rung lắc mạnh bất thường khi chạy; gối poly không nóng và có tiếng rít bất thường. | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dây cua-ro bị đứt: thay mới</li> <li>+ Động cơ điện bị hỏng: sửa chữa hoặc thay mới.</li> <li>+ Cánh quạt bị kẹt hoặc mất cân bằng: tháo bỏ vật cản hoặc thay thế cánh quạt mới.</li> <li>+ Gối poly khô kiệt chất bôi trơn: châm thêm chất bôi trơn hoặc thay gối mới.</li> </ul> |
| Cháy nổ                | Tia lửa điện và nhiệt phát sinh từ quạt hút khiến lớp bụi tích tụ                                                                                                                                | + Hàng tuần, dùng khí nén làm sạch lớp bụi bám trên quạt.                                                                                                                                                                    | Sử dụng hạ tầng PCCC hiện có để                                                                                                                                                                                                                                                                                             |

| Loại sự cố | Nguyên nhân                                              | Giải pháp phòng ngừa                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Giải pháp ứng phó             |
|------------|----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|
| HTXL bụi   | trên quạt bùng cháy dẫn đến hiệu ứng cháy nổ dây chuyền. | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Poly được kiểm tra đầu bôi trơn tránh cạn kiệt dẫn đến ma sát tạo nhiệt quá nóng.</li> <li>+ Tháp lọc túi vải có van chống nổ</li> <li>+ Đường ống khí thải có thiết bị chống cháy nổ hồi ngược.</li> <li>+ Bố trí HTXL bụi nằm tách biệt và xa xưởng sản xuất.</li> </ul> | thực hiện công tác chữa cháy. |

Ngoài ra, một giải pháp quan trọng để phòng ngừa sự cố là chủ dự án có kế hoạch ký hợp đồng vận hành, bảo trì bảo dưỡng định kỳ với đơn vị chuyên nghiệp về môi trường để chịu trách nhiệm vận hành HTXL bụi.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

**2.1.** Thời gian vận hành thử nghiệm: Kể từ ngày dự án bắt đầu đi vào hoạt động (Thời gian dự kiến từ 01/06/2025 đến 31/08/2025).

**2.2.** Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

01 công trình xử lý bụi (bằng thiết bị cyclone kết hợp lọc bụi túi vải) phát sinh từ các máy cưa, cắt, khoan, bào, chà nhám.

### **2.2.1. Vị trí lấy mẫu:**

- Tại ống phát thải sau hệ thống xử lý bụi có tọa độ X = 1226384; Y = 615043.

### **2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:**

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ đầu tư dự án phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý bụi, khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại mục 2.2.2 phần A Phụ lục này.

### **2.3. Tần suất lấy mẫu:**

- Thời gian lấy mẫu: 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định (giai đoạn điều chỉnh do Chủ dự án tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải).

- Loại mẫu và vị trí lấy mẫu khí thải: Mẫu đơn tại ống thải khí thải.

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn tại ống thải trước khi thải ra môi trường của công trình xử lý bụi, khí thải trong 03 ngày liên tiếp).

- Thông số quan trắc: Lưu lượng, Bụi tổng.

**3.5.** Sau khi kết thúc vận hành thử nghiệm, trong vòng 10 ngày chủ dự án đầu tư phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến cơ quan cấp giấy phép môi trường theo quy định.



### Phụ lục 3

## **BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 49./GPMT-UBND ngày 11.tháng 12. năm 2024 của UBND Thành phố Tân Uyên)

### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**

#### **1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tiếng ồn phát sinh tại khu vực bào gỗ.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn phát sinh tại khu vực định hình.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn phát sinh tại khu vực cắt xẻ gỗ.
- Nguồn số 04: Tiếng ồn phát sinh từ HTXL nước thải.
- Nguồn số 05: Tiếng ồn phát sinh từ HTXL bụi.

#### **2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: có tọa độ X = 1226347; Y = 615044.
- Nguồn số 02: có tọa độ X = 1226359; Y = 615050.
- Nguồn số 03: có tọa độ X = 1226326; Y = 615034.
- Nguồn số 04: có tọa độ X = 1226387; Y = 615062.
- Nguồn số 05: có tọa độ X = 1226375; Y = 615041.

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:**

#### **3.1. Tiếng ồn:**

| TT | Từ 6 giờ đến 21 giờ<br>(dBA) | Từ 21 giờ đến 6 giờ<br>(dBA) | Tần suất quan<br>trắc định kỳ | Ghi chú                 |
|----|------------------------------|------------------------------|-------------------------------|-------------------------|
| 1  | 70                           | 55                           | -                             | Khu vực<br>thông thường |

#### **3.2. Độ rung:**

| TT | Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia<br>tốc rung cho phép (dB) |                     | Tần suất quan<br>trắc định kỳ | Ghi chú |
|----|-------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------------------------|---------|
|    | Từ 6 giờ đến 21 giờ                                               | Từ 21 giờ đến 6 giờ |                               |         |

|   |    |    |   |                         |
|---|----|----|---|-------------------------|
| 1 | 70 | 60 | - | Khu vực<br>thông thường |
|---|----|----|---|-------------------------|

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**

### **1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Thiết kế, xây dựng nhà xưởng, hệ thống xử lý chất thải, hệ thống máy móc đảm bảo độ ồn và độ rung nằm trong ngưỡng cho phép theo quy định.
- Trang bị cho công nhân viên các thiết bị chống ồn. Thường xuyên kiểm tra, bảo trì máy móc, thiết bị.
- Trồng cây xanh quanh khu vực nhằm giảm thiểu tiếng ồn, độ rung phát tán.
- Cố định các thiết bị gây ồn, rung trên nền bê tông chắc chắn và được đặt trên đế cao su nhằm chống rung, giảm ồn.
- Thường xuyên kiểm tra độ mòn chi tiết và thường kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng.

### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

**2.1.** Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

**2.2.** Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

## Phụ lục 4

## YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 39.../GPMT-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2024 của UBND Thành phố Tân Uyên).

### A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

#### 1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

**1.1.** Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

Nguồn phát sinh chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát phát sinh trung bình 1 năm cụ thể sau:

| STT | Tên chất thải                                                                                                                         | Mã CTNH  | Trạng thái   | Khối lượng |        | Ký hiệu |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------|------------|--------|---------|
|     |                                                                                                                                       |          |              | Cái/năm    | kg/năm |         |
| 1   | Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực)                                                      | 08 02 04 | Rắn          | -          | 15     | KS      |
| 2   | Chất kết dính và chất bịt kín (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất)                  | 08 03 01 | Lỏng/<br>Rắn | -          | 6,78   | KS      |
| 2.1 | Keo sữa thải                                                                                                                          |          |              | -          | 5,9    | KS      |
| 2.2 | Keo 502 thải                                                                                                                          |          |              | -          | 0,88   | KS      |
| 3   | Bóng đèn LED                                                                                                                          | 16 01 13 | Rắn          | -          | 15     | NH      |
| 4   | Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác                                                                                    | 17 02 04 | Lỏng         | -          | 92     | NH      |
| 5   | Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại amiang) thải | 18 01 02 | Rắn          | 39         | 617,9  | KS      |
| 5.1 | Thùng kim loại đựng dầu DO thải                                                                                                       |          | Rắn          | 26         | 417,6  | KS      |



| STT              | Tên chất thải                                                                                                                                | Mã CTNH  | Trạng thái | Khối lượng |              | Ký hiệu  |
|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|------------|------------|--------------|----------|
|                  |                                                                                                                                              |          |            | Cái/năm    | kg/năm       |          |
| 5.2              | Thùng kim loại đựng dầu nhớt thải                                                                                                            |          | Rắn        | 13         | 200,3        | KS       |
| 6                | Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải                                                                                     | 18 01 03 | Rắn        | 357        | 24           | KS       |
| 6.1              | Thùng nhựa đựng keo sữa thải                                                                                                                 |          | Rắn        | 1          | 17,4         | KS       |
| 6.2              | Chai nhựa đựng keo 502                                                                                                                       |          | Rắn        | 308        | 1,5          | KS       |
| 6.3              | Can nhựa đựng chế phẩm vi sinh thải                                                                                                          |          | Rắn        | 3          | 0,6          | KS       |
| 6.4              | Chai nhựa đựng mật ri thải                                                                                                                   |          | Rắn        | 45         | 4,5          | KS       |
| 7                | Chất hấp phụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại | 18 02 01 | Rắn        | -          | 198          | KS       |
| 8                | Ắc quy chì thải                                                                                                                              | 19 06 01 | Rắn        | -          | 7            | NH       |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                                                                                                              |          |            |            | <b>975,6</b> | <b>-</b> |

### 1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Chất thải rắn công nghiệp thông thường có khả năng tái chế, tái sử dụng:

| STT              | Nhóm CTRCNTT                                                           | Trạng thái | Khối lượng (kg/năm) |
|------------------|------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------|
| 1                | Bụi gỗ, vụn gỗ, mùn cưa                                                | Rắn        | 23.679,5            |
| 2                | Bao bì nylon, thùng carton hỏng, pallet hỏng, giấy vụn phòng thải, ... | Rắn        | 150                 |
| 3                | Ngũ kim hư hỏng như đinh, ốc, vít, ...                                 | Rắn        | 3,7                 |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                                        |            | <b>23.833,2</b>     |

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý:

| STT              | Nhóm CTRCNTT   | Trạng thái | Khối lượng (kg/năm) |
|------------------|----------------|------------|---------------------|
| 1                | Giấy nhám thải | Rắn        | 17,9                |
| <b>Tổng cộng</b> |                |            | <b>17,9</b>         |

**1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:**

| STT         | Tên chất thải           | Khối lượng (tấn/năm) |
|-------------|-------------------------|----------------------|
| 1           | Chất thải rắn sinh hoạt | 5,4                  |
| <b>Tổng</b> |                         | <b>5,4</b>           |

**1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát:**

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 10 tháng 01 năm 2022

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại****2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại****2.1.1. Thiết bị lưu chứa:**

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa dung tích 120 - 240 lít và các thiết bị khác đáp ứng yêu cầu theo quy định.

- Tất cả các thùng lưu trữ CTNH là loại thùng nhựa chuyên dụng, đảm bảo không rò rỉ, các thùng đều có nắp đậy, có dán nhãn ghi tên từng loại chất thải và biển báo nguy hiểm tùy tính chất của chất thải.

**2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa:**

- Diện tích kho lưu chứa: 12 m<sup>2</sup>

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho được bố trí bên trong nhà xưởng nên có kết cấu của nhà xưởng công nghiệp có nền bê tông cao hơn cos mặt đường nội bộ, mái lợp tole, tường xây gạch và dựng vách tôn, cửa khép kín. Mỗi loại chất thải nguy hại được dán nhãn, ghi các thông tin cần thiết theo quy định. Ngoài ra, bên trong kho có bố trí phuy cát và xẻng, bình chữa cháy cầm tay để dự phòng khi có sự cố cháy nổ. Bên ngoài kho có biển báo ghi rõ “Khu vực lưu chứa CTNH”, dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

**2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:**

**2.2.1. Thiết bị lưu chứa:** Bố trí các thùng chứa dung tích 120 - 240 lít và các thiết bị khác đáp ứng yêu cầu theo quy định.

**2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa:**

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa: 12 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho được bố trí trong nhà xưởng nên có kết cấu của nhà xưởng công nghiệp với nền móng BTCT kín khít, mái lợp tole, tường xây gạch và dựng vách tole, có gờ chống tràn để không bị nước mưa chảy tràn vào bên trong.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

**2.3.1.** Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy, thể tích từ 30 – 120 lít và thực hiện phân loại chất thải sinh hoạt tại nguồn theo quy định hiện hành.

#### **2.3.2.** Kho/khu vực lưu chứa:

- Dự án không bố trí công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt cố định mà sẽ đặt các thùng chứa rác có nắp đậy ngăn mùi và nước mưa xung quanh khuôn viên dự án để thu gom như: khu vực nhà xưởng, nhà văn phòng, ....

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định

### **3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải:** Không có

### **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:**

- Đảm bảo an toàn trong lưu trữ và sử dụng hóa chất theo quy định của Luật hóa chất và các văn bản liên quan.

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó về phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, ứng cứu sự cố và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án theo các quy định của Pháp luật hiện hành.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP phù hợp với nội dung phòng ngừa sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.



### Phụ lục 5

## CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 7.9/GPMT-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2024 của UBND Thành phố Tân Uyên)

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
2. Hồ ga tiếp nhận nước thải của dự án trước khi thải ra môi trường phải được bố trí hờ (có lưới bảo vệ an toàn) để cơ quan quản lý môi trường giám sát nước thải khi thải ra môi trường. Vị trí hồ ga đặt bên trong dự án ngay tại cổng dự án về phía Tây Nam (nằm trong khuôn viên dự án, tại vị trí hồ ga tiếp nhận nước thải của dự án hàng rào được xây hờ, có song sắt để giám sát) và có gắn biển báo “Điểm thoát nước thải của Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Đủ”.
3. Hồ ga thoát nước mưa cuối cùng của dự án trước khi thải ra môi trường phải được bố trí hờ (có lưới bảo vệ an toàn) để cơ quan quản lý môi trường giám sát nước mưa khi thải ra môi trường. Vị trí hồ ga giáp với nhà xưởng sản xuất về phía Tây Nam của dự án (nằm trong khuôn viên dự án, tại vị trí hồ ga tiếp nhận nước mưa của dự án hàng rào được xây hờ (có song sắt để giám sát) và có gắn biển báo “Điểm thoát nước mưa của Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Đủ”.
4. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương.
5. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
6. Luôn thực hiện các biện pháp khống chế ô nhiễm và bảo vệ môi trường theo đúng quy định, đảm bảo toàn bộ chất thải phát sinh được thu gom và xử lý các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
7. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật; hợp đồng đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định.
8. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành

9. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường.

10. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

11. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.